

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 2

(Nói về ba nước)

- 1- Nước Lạ Ba
- 2- Nước Na Yết La Hạt
- 3- Nước Kiện Đà La.

Rõ thấy danh xưng của Thiên Trúc có lắm sự bàn nghị khác nhau rối rắm. Xưa trước gọi là “Thân Độc”, hoặc gọi là “Hiền Đậu”. Nay theo chánh âm nên gọi là “Ấn Độ”. Người Ấn Độ tùy theo địa vực mà xưng nước. Dẫu khác phương khác tục xa gần gọi một tên chung, nói đến sự tốt đẹp nên gọi đó là Ấn Độ.

Ấn Độ, tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là “Nguyệt” (vàng trắng). Nguyệt có nhiều danh nghĩa. Nay nói về nghĩa thứ nhất là nói tất cả các loài quần sinh lưu chuyển luân hồi không ngưng dứt suốt đêm dài tối mịt không có điều khiến sáng sớm mai. Đó tựa như ánh bạch nhật đã ẩn. Giữa đêm ánh đuốc tiếp nối tuy có soi chiếu của sao sáng, nhưng đâu như ánh sáng của vàng trắng. Kể từ duyên ấy dẫn đến nhân mà thí dụ như vàng nguyệt. Bởi vì các bậc hiền Thánh ở cõi nước đây tiếp nối khôn phép dẫn dắt phàm tình ngự trị mọi vật như vàng nguyệt soi chiếu đến. Do từ ý nghĩa ấy nên xưng gọi là Ấn Độ. Tại Ấn Độ, chủng tộc giòng họ phân đàn mà Bà-la-môn là đặc ưu thanh bạch cao quý. Từ sự nhã xứng ấy lưu truyền thành tục. Không nói riêng biệt của kinh giới, mà gọi chung là “nước Bà-la-môn”.

Nêu theo cảnh vực phong cương có được mà có thể nói là cảnh vực của năm xứ Ấn Độ chu vi rộng hơn chín vạn dặm, ba phía là biển lớn, còn phía bắc gối lưng vào núi tuyết. Phía bắc thì rộng, phía nam hẹp nhỏ, hình như nửa vàng trắng. Vẽ họa đồng trống phân chia khu vực có hơn 70 nước, thời tiết đặc biệt nắng nóng, đất có nhiều suối ấm thấp. Phía bắc mới núi đồi quanh co, gò đồi xếp lớp. Phía đông thì sông đồng tưới nhuận, đất đai phì nhiêu. Phía nam cây cỏ tươi tốt, phía tây đất đai sành sỏi. Đại khái như thế có thể nói lược vậy.

Phân về danh xưng của số lượng thì gọi là Du Thiện Na (xưa trước gọi là Do tuần, hoặc gọi là Du xà na. lại còn gọi là Do diên, đều là gọi lược sai lầm vậy). Đức Phật thiện na tức là quăng đường mà quân của Thánh vương xưa kia đi trong một ngày. Xưa trước tương truyền một Du thiện na là 40 dặm, theo tục của nước Ấn Độ là 30 dặm. Theo trong Thánh giáo ghi chép thì chỉ có 16 dặm. Con số nhỏ tốt cùng là phân một Du thiện na làm thành 8 Câu lô xá. Câu lô xá nghĩa là tiếng kêu của trâu lớn vang nghe ở điểm cùng cực thì gọi là Câu lô xá. Nhân một Câu lô xá làm thành 500 cung. Phân một cung làm thành bốn khủy tay, phân một khủy tay làm thành 24 ngón tay, phân một đốt ngón tay làm thành bảy hạt lúa tẻ. Cho đến lỗ hồng giữa khoảng chấy rận lông trâu dê lông thỏ nước đầy lược phân thành bảy phần cho đến hạt bụi nhỏ, hạt bụi nhỏ phân thành bảy phần làm thành hạt bụi cực nhỏ. Hạt bụi cực nhỏ không còn chia chẻ được nữa, chia chẻ tức kết quy về không, nên gọi là “cực vi”.

Nếu theo âm dương lịch vận ngày tháng thứ lớp hợp xứng, nghĩa là tuy có khác mà thời gian không khác. Tùy theo Tinh Kiến (chuôi sao) mà nêu tên tháng. Với thời gian cực ngắn, gọi đó là Sát na. cứ 120 sát na là một Đất sát na, cứ 60 Đất sát na làm một Lạp phược, cứ 30 Lạp phược làm một Mâu hô lật đa, cứ 05 Mâu hô lật đa làm một thời, cứ sáu thời hợp thành một ngày một đêm (ngày 03 đêm 03). Thế tục còn còn phân mỗi một ngày đêm có tám thời (ngày 04 đêm 04 ở mỗi một thời mỗi có 04 phân). Trăng từ đầy đến tròn gọi là Bạch phần, trăng khuyết đến tối gọi là Hắc phần. Hắc phần hoặc có 14 ngày hoặc có 15 ngày do tháng có tháng thiếu tháng đủ nên vậy. Hắc trước Bạch sau hợp thành một tháng. Cứ sáu tháng hợp thành một hành, mặt nhật đi lại xoay chuyển theo hướng bắc, mặt nhật đi tại ngoài xoay chuyển theo hướng nam. Gồm cả hai hành ấy hợp làm thành một năm. Lại phân một năm làm thành sáu thời (mùa); từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 03, tức là dần nóng. Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 15 tháng 05 là rất nóng. Từ ngày 16 tháng 05 15 tháng 07 là mùa mưa. Từ ngày 16 tháng 07 đến ngày 15 tháng 09 là mùa tươi tốt. Từ ngày 16 tháng 09 đến ngày 15 tháng 11 là dần lạnh. Từ ngày 16 tháng 11 đến ngày ngày 15 tháng giêng là (năm sau) là rất lạnh. Theo Thánh giáo của đức Như Lai thì một năm phân làm 03 mùa; từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 05 tức là mùa nóng. Từ ngày 16 tháng 05 đến ngày 16 tháng 09 là mùa mưa, từ ngày 16 tháng 09 đến ngày 15 tháng giêng (năm sau) là mùa lạnh. Hoặc phân làm 04 mùa xuân, hạ, thu, đông. Ba tháng mùa xuân

là tháng chế đất la, tháng phệ xá khứ, tháng thệ sắc tra tức từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 04. ba tháng mùa Hạ là tháng A sa trà, tháng Thất la phạt noa và tháng Bà la bát đà tức từ ngày 16 tháng 04 đến ngày 15 tháng 07. Ba tháng mùa thu là tháng Át thấp phược sừ xà, tháng Ca thỉ để ca mà tháng Mạt già thỉ la tức từ ngày 16 tháng 07 đến ngày 15 tháng 10. ba tháng mùa đông là tháng Báo sa, tháng Ma khứ và tháng Át lặc lữ noa tức từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng giêng năm sau. Nên chư tăng ở Ấn Độ y theo Thánh giáo của Phật tọa an cư có hai mùa, hoặc 03 tháng trước hoặc 03 tháng sau. Ba tháng trước tức từ ngày 16 tháng 06 đến ngày 15 tháng 09. Đồi trước những người phiên dịch kinh luật, hoặc gọi là “Tọa Hạ”, hoặc gọi là “Tọa lạp” đó đều là xứ biên địa khác tục, chưa thấu đạt chánh âm của Trung Hoa, hoặc bởi dùng phương ngôn chưa dung thông mà truyền dịch có sai lầm. Lại suy tính về ngày tháng đức Như Lai nhập thai, sơ sinh, xuất gia, thành Phật, nhập Niết bàn, v.v... đều có sâm sai. Nói tại “Hậu kỳ”.

Như về làng ấp thôn xóm phương vực rộng cao, đường thông ngõ tắc lượn uốn quanh co, cửa chợ ngày đường, cờ đình cặp đường, giết mổ chài câu, con hát, đầu sỏ nem thịt, cờ quyết vườn nhà ở gạt bỏ ngoài ấp, hành lý qua lại, hẹp bên tả đường. Đến như chế vườn nhà ở, làm nên tường quách, thế đất thấp xấu ẩn trũng, thành nhiều lớp gạch. Cả đến như tường vách hoặc bện cây trúc, phong nhà đài quán, bằng nhà ngang bằng đầu, dùng đá tro bồi lấp, dùng ngói gạch đập phủ. Các thứ khác lạ tạo dựng cao lớn, hình thứ chế tác đồng như ở Trung Hoa. Che lợp bằng tranh bằng cỏ, hoặc bằng gạch bằng ván. Vách tường dùng bằng đá tro trang sức nên, đất bùn phần trâu làm sạch. Có lúc tán trái hoa, đó là khác lạ vậy. Các ngôi Tăng-già lam thiết chế rất kỳ đặc. Ở bốn góc lầu xây dựng nổi lên trùng các ba tầng, rui xà rường cột chạm trổ các hình kỳ lạ, cửa thông, cửa sổ quanh tường họa vẽ các hình sắc nơi ở của dân chúng lê thứ, bên trong xa xỉ phía ngoài cần kiệm, phòng ấm nhà giữa, tầng đài trùng trùng các hình thứ chế tác không gò bó. Cửa nẻo xoay trở về hướng đông, tòa Triều xoay mặt hướng đông. Đến như ngôi nghỉ đều dùng bằng thẳng sàng. Các hàng vương tộc đại nhân sĩ thứ giàu có trang sức tuy có khác nhưng quy củ không khác. Tòa triều của quân vương lại càng cao lớn, khảm cẩn các thứ ngọc châu kỳ gọi đó là giường sư tử, dùng đệm giạ nhỏ mịn lót trải mà dẫm bước, lại dùng bằng các thứ ghế báu. Còn với trăm thứ quan liêu thứ tùy sự ưa thích mà khắc chạm hình loại khác nhau, châu ngọc ánh ngời. Xiêm y vận mặc không ít cắt chế đều dùng bằng các thứ quý đẹp trắng nhẹ, hình sắc xen

tạp. Người nam thì quấn eo thắt nách, khăn rộng rủ vai phải, người nữ thì choàng xiêm rủ xuống hai khủy tay đều che kín, trên đánh đầu là một búi tóc nhỏ, tóc còn lại đều rủ xuống, hoặc có người cắt tóc khác biệt làm sự lạ lùng với đời, đầu quấn vòng hoa, thân đeo mang chuỗi anh lạc. Người vận mặc như vậy gọi là áo Kiêu xa da, và bông vải v.v., Kiêu xa da tức là tơ của tầm hoang dã. Áo tùng ma, tức các loại sợi gai. Áo Hạm bát la được dệt bằng lông dê nhỏ mịn. Áo Hạt thích ly dệt bằng lông thú hoang dã. Lông thú nhỏ mịn có thể dùng chắp đánh sợi nên lấy làm trân quý mà sung vào mặc dùng. Tại phía bắc Ấn Độ phong thổ rét lạnh, cắt chế áo nhỏ hẹp, rất đồng như cách vận mặc của người Hồ. Các hàng ngoại đạo vận mặc trang sức chế tác khác lạ xen tạp, hoặc áo đuôi lông khổng tước, hoặc trang sức bằng đầu lâu chuỗi anh lạc, hoặc không vận mặc; để lộ bày thân hình, hoặc dùng tấm cỏ che thân, hoặc nhổ tóc cắt râu, rối bong tóc mai đẩy lên làm búi tóc, xiêm y không nhất định, sắc màu đỏ trắng chẳng thường. Còn pháp phục của hàng Sa-môn - thích tử chỉ có ba y và Tăng khư khi, Nê phước ta na, Ba y cắt chế tùy bộ chẳng đồng, hoặc viền có rộng hẹp, hoặc lá có lớn nhỏ, Tăng khư khi ((tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Yêm dịch (bít che nách), xưa trước gọi là Tăng kỳ chi tức là sai nhầm vậy) phủ che vai tả, bít hai nách, bên tả mở bên hữu lợp kín dài cắt quá eo. Nê phước ta na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là quần, xưa trước gọi là Niết bàn tăng tức là sai nhầm vậy), đã không đai dải, lúc mặc chỉ nắm lấy xếp thành nếp nhỏ để buộc, xếp nếp các bộ mỗi tự có khác, sắc mầu hoặc vàng hoặc đỏ chẳng đồng. Các hàng chủng tộc Sát đế lợi, Bà-la-môn ăn ở đơn giản thanh sạch thuần tố, kiệm ước minh bạch sáng sạch, các hàng quốc vương, đại thần vận mặc tốt lành quý báu có khác, tràng hoa mũ báu dùng để trang sức trên đầu, vòng xuyên anh lạc đeo mang nơi thân. Còn các hàng thương buôn giàu sang quý giá chỉ có vòng xuyên mà thôi. Ngoài ra mọi người phần nhiều là đi chân đất không giày dép, răng sức đều nhuộm hoặc màu đỏ màu đen, tóc cắt ngang bằng, râu lở tai, mũi dài mắt lớn. Tướng mạo đại khái là như thế.

Còn về sự thanh khiết tự giữ thì chẳng kiêu chí khí ấy, phạm thiết bày thức ăn thì trước hẳn phải tẩy rửa. Thức ăn còn lại qua đêm không đem dùng lại, vật đựng thức ăn chẳng để lại, các thứ vật dụng bằng sứ bằng gỗ, dùng qua hẳn vất bỏ. Các vật bằng vàng bạc đồng sắt thì luôn chùi mài ngơi ánh. Ăn cơm đã xong thì nhắm nhành dương mà làm sạch và súc miệng, mọi sự chưa xong thì chẳng cùng xúc chạm. Mỗi lúc có tiểu giải thì hẳn tẩy rửa, thân hình bôi thoa các thứ hương thơm như là

chiên đàn, uất kim hương, v.v... Các vị quân vương lúc sắp tắm thì giống trống tấu đàn ca hát cúng tế bái vái đều thờ bồn tắm rửa.

Xét rõ về văn tự thì Phạm thiên chế tác nên, nguyên thể bai trái khuôn phép chỉ có 47 ngôn từ, ngụ vật hợp thành, tùy sự mà chuyển dùng, lưu diễn thành chi phái, nguồn ấy xâm rộng ra, nhân địa vực tùy con người mà hơi có sự cải biến. Ngôn ngữ ấy đại lược chưa khác nguồn gốc. Mà tại trung Ấn Độ đặc biệt rõ ràng chính xác, từ điều hòa nhã đồng âm với Phạm thiên, khi vận trong sáng đáng làm khuôn phép cho người. Các vùng lân cận và nước khác tập học sai lầm thành thói dạy răn, đua tranh bạc tục chẳng giữ thuần phong. Đến như ghi lời viết sự mỗi mỗi đều có quản lý hiện còn. Sử cáo gọi chung đó là Ni la tộ trà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là “Thanh Tạng”. Thiện ác nêu bày đầy đủ, tốt xấu viết đủ, mà mở mang cho kẻ trẻ nhỏ mời tối, dẫn dụ tiến triển, trước hết dạy dẫn bằng 12 chương. Đến bảy tuổi trở lên mới trao dạy “Ngũ Minh đại luận” tức: 01 là thanh minh tức là giải thích chữ nghĩa cổ huân, thuyên phân từng mục lưu biệt - 02 là công xảo minh tức là cơ quan kỹ luật, lịch số âm dương - 03 là y phương minh tức là cấm chú gian tà, thuốc đá châm cứu - 04 là nhân minh tức là xét định tà chánh nghiên tâm khởi xét chân ngụy (giả, thật) - 05 là nội minh tức là nghiên cứu thỏa sướng về ngũ thừa, diệu lý nhân quả. Còn đối với Bà-la-môn thì học Tứ phệ đà luận (xưa trước gọi là Tỳ đà tức sai nhầm vậy): 01 là thọ tức là dưỡng sinh sửa tánh - 02 là tứ tức là cúng tế cầu đảo - 03 là bình tức là lễ nghi chiêm bói binh pháp quân trận - 04 là thuật tức là kỹ số tài năng khác lạ, cấm chú y phương. Các bậc thầy hẳn rộng nghiên cứu tinh vi, suốt cùng huyền ảo, chỉ bày đại nghĩa dùng lời vi diệu mà dạy răn dẫn dắt, khắc suy khuyển bạc, khéo dẫn dụ nhắc lên. Nếu là biết rộng thông mẫn, chí hoài trốn vượt xa thì bó buộc trở lại khai mở học nghiệp thành đạt. Đến tuổi 30 lập chí học thành, đã ở ngôi vị hưởng lộc, trước báo đáp ân đức của thầy. Như có rộng thông xưa cổ ưa thích thanh nhã, ẩn lánh béo tốt, sống đời thuần trinh. Chìm nổi ngoài vật, thông dong khỏi mọi sự. Sủng ái hay hổ nhục chẳng kinh sợ, tránh xa tiếng tăm. Quân vương có nhã lòng mến chuộng cũng chẳng lay động vết chân. Nhưng mà nước nhà trọng người thông duệ, thế tục quý bậc cao minh, tán thán ngợi khen đã lớn, lễ mạng cũng trọng, nên hay gắng chí dốc học, quên cả mọi mệt đuổi theo nghề nghiệp, phỏng tìm hỏi đạo nương tựa nhân từ, chẳng ngại ngùng vượt xa ngàn dặm. Nhà tuy giàu có mà chí đều theo ở trọ, của cải miệng bụng, theo chế độ kẻ tù mà chu cấp, có quý biết đạo, không xấu hổ thiếu thốn của cải. Trái

lại với kẻ ham vui theo nghiệp biếng khác, trộm cướp để ăn, xa xỉ vận mặc. Đã không có lệnh đức lại chẳng có lúc tập học, thì hổ nhục đều đến, tiếng xấu vang vọng xa.

Đối với giáo lý của đức Như Lai tùy loại mà được hiểu, cách Thánh thừa xa, chánh pháp thuần nhạt. Mặc tùy tâm có kiến giải mà đều được ngộ nghe biết. Bộ chấp như núi cao vợi, tranh luận đầy nổi sóng. Các hàng dị học chuyên môn khác đường đồng đến. Cả thấy có 18 bộ phái, mỗi tự chiếm xứ sự bén nhọn riêng mình, đại thừa Tiểu thừa nói ở riêng biệt. Họ có điểm an tĩnh tư duy minh hành dừng đứng, định tuệ chột cách biệt, ôn náo và tĩnh lặng khác nhau hẳn. Tùy theo đồ chúng họ ở mà mỗi tự chế tác khoa điều phòng cấm, không nói Luật luận kinh là kinh Phật, tuyên giảng mật bộ mới khởi việc chư tăng biết, hai bộ thì tăng thêm phòng ở và mọi dụng cần thiết, ba bộ thì sai thị giả cầu nương theo, bốn bộ thì cấp cho tịnh nhân để sai sử phục dịch, năm bộ thì đi cưỡi ngựa kiệu, sáu bộ lại dẫn đồ chúng vây quanh vệ hộ. Đạo đức đã cao, cờ hiệu mạng cũng khác. Đến lúc nhóm tập giảng luận, xét phân sự hơn kém, rõ ràng riêng biệt thiện ác, gạt vượt tối sáng. Người ấy có đăn đo chống bề lời nhỏ nhiệm, đè nén hay dương bốc diệu lý. Ngôn từ thanh nhã đầy đủ tốt lành, khéo biện giải nhanh nhẹn. Khi ấy nương cưỡi ngựa báu dẫn theo như rừng, cho đến các hàng nghĩa môn mở rộng, ngôn từ sắc bén bề đẹp bén nhạy, lý ít mà ngôn từ nhiều, nghĩa trái mà lời thuận, bèn liền mặt bôi đất đỏ, thêm các bụi dơ, ruồng bỏ ra ngoài đồng trống, vất đến nơi ngòi rãnh, đã phô bày sự trắng trong và vẫn đục, cũng lộ rõ hiền ngu. Người biết vui thích đạo, nhà chuyên cần chế học. Xuất gia trở về tục, theo chỗ tốt đẹp đó, mắc lỗi quấy phạm điều luật theo khoa liệu trong chúng tăng mà phạt, nhẹ thì tăng chúng ha trách, tiếp thêm bậc nữa thì tăng chúng chẳng cùng nói năng, nặng mới chẳng cùng chung sống với chúng tăng. Không chung sống tức ruồng đuổi chẳng hề đếm xỉa. Ra khỏi một trụ xứ thì không nói ném thân vào, theo nương trọ khó khổ, hoặc trở lại vâng phục như từ đầu.

Còn về giòng họ thì có bốn dòng: - 01 là Bà-la-môn tức là Tịnh hạnh, chuyên giữ đạo, sống trinh thuần, thanh khiết trắng trong tiết tháo - 02 là Sát đế lợi (xưa trước gọi là Sát lợi) tức chủng tộc vua chúa, nối đời quân vương, tâm chỉ có đủ nhân từ và tức giận - 03 là Phệ xa (xưa trước gọi là Tỳ Xá tứ sai nhầm vậy) tức thương gia buôn bán, đổi chác có không, đuổi theo lợi xa gần - 04 là Thú đà la (xưa trước gọi là Thủ đà tức sai nhầm vậy) tức là Nông nhân, dốc sức với ruộng đồng, lăn mình gặt hái lúa má. Phạm, bốn giòng họ đây, đục trong có khác dòng. Hôn

thú thông gần bay nằm khác đường. Nội ngoại tông phái kết hôn chẳng tạp, người phụ nữ một khi đã gã chồng trọn không còn tái giá. Ngoài ra các giòng họ xen tạp thì có lắm nhiều. Chủng tộc mỗi một tùy loại tùy nhóm khó thể ghi bày rõ ràng. Quân vương nối đời chỉ có Sát đế lợi. Lúc cướp giết, nổi dậy giòng họ khác để xưng tôn, chiến sĩ tuy trong nước hùng mạnh đều tuyển chọn xong. Cha con truyền nghiệp theo cùng binh thuật. Ở thì nơi cung lô bảo vệ chung quanh, lúc chinh chiến thì phấn phát binh lính dẫn đầu. Có bốn loại binh lính là bộ, mã, xa, tượng. Tượng binh thì trang bị áo giáp bền chắc, ngà chuốt sắc bén, một tướng cỡi đều nhiếp trao đặt tiết độ, có hai binh lính hai bên trái phải vì đó mà giá ngựa. Xa binh tức dùng xe bốn ngựa làm giá, binh soái nương cưỡi đó, liệt bày binh lính bảo vệ chung quanh, nâng đẩy bánh xe cặp theo bầu trục. Mã binh thì tán ngựa đuổi chạy trông rượt mạng. Bộ binh thì gìn giữ nhẹ nhàng cầm đồng sung chọn, mang giáo lớn, nắm kích dài, hoặc mang dao, kiếm, phấn phát dẫn trước vào trận. Phàm các binh khí không gì chẳng bén nhọn, đó là: mâu, thuẫn, cung, tên, dao, kiếm, búa, nỏ, mác, thù, dáo dài, dây vòng, v.v... ở đời đều có tập luyện đó. phong tục xứ đó tánh tình tuy có mạnh gấp, chí ý rất trinh thuần chân chất. Đối với của cải không cầu thả mà có được, đối với đạo nghĩa thì có thừa khiêm nhượng. Lo sợ tội với minh vận, xem thường nghề nghiệp của sự sống. Đối trá quý quyết chẳng làm, minh ước thệ nguyện rất tin kính, chỉnh sửa giáo lưu còn chất, phong tục vẫn hòa. Lúc đàn tiểu nhân hung nghịch trái phạm quốc hiến mưu toan nguy hại quân thượng, mọi vết tích sự việc rõ ràng thì thường bắt giam tù tối, không hề giết hại, mặc tình nó sống chết, chẳng đếm xỉa đến nhân luân. Với kẻ xúc phạm tổn thương lễ nghĩa, bội nghịch trung hiếu thì xẻo mũi cắt tai, bẻ tay, chặt chân, hoặc xua đuổi ra khỏi nước, hoặc phóng thả đến vùng ven hoang vắng. Ngoài ra, các lỗi phạm khác thì nộp đóng của cải để chuộc tội, xử trị bắt tù, xem từ, chẳng thêm luật hình đánh gạt. Tùy hỏi mà cứ thật đối đáp, thì y cứ sự tình mà bình liệu. Còn chống trái điều phạm, xấu hổ quá cả sức phục trái quấy. Muốn nghiên cứu về tình thật, thì sự việc phải cứu xét, phàm có bốn điều đó là Thủy (nước) Hỏa (lửa) Xứng (cân) Độc (độc tố). Thủy tức người phạm tội mang cùng đá thả chìm xuống dòng nước sâu để xét tội giả thật, nếu người chìm đá nổi tức là có phạm, trái lại người nổi mà đá chìm tức không ản giấu. Hỏa tức là đốt tẩm sắt nóng, bắt người phạm tội ngồi lên, lại bảo đưa chân dẫm đạp, áp bàn tay lên trên, lại bắt thè lưỡi liếm, nếu là hư dối thì không tổn hại, nếu là có thật hẳn bị bỏng thương. Với người mềm yếu khiếp

sợ, không thể xúc chạm đến lửa dữ, thì nắm hoa chưa nở tung ném vào lửa, nếu hư dối thì hoa nở, nếu thật có thì hoa tiêu cháy. Xứng tức là đem người và đá cân bằng, lấy sự nhẹ nặng mà rút ứng nghiệm, nếu hư dối thì người nặng xuống đáy, đá dất bổng lên, nếu thật thì đá nặng người nhẹ. Độc tức là đem cất đui về con dê đem ướp tẩm các độc dược vào đó, tùy người bị tố tụng ăn lấy một phần, nếu thật thì độc phát mà chết, còn hư dối thì độc tự tiêu hết mà sống. Nên bày bốn điều đây để phòng đường có trăm lỗi quấy.

Còn về thể thức trí kín, hình nghi có chín thứ: - 01 là mở lời an ủi hỏi han - 02 là cúi đầu tỏ bày cung kính - 03 là đưa cao tay vái chào - 04 là chấp tay cân bằng khoanh vòng - 05 là khom đầu gối - 06 là quỳ dài - 07 là tay và đầu gối quỳ nơi đất - 08 là năm bậc đều cúi khuất - 09 là năm vót gieo sát đất. Phạm chín thứ đây cuối cùng chỉ một bái. Quỳ mà tán thán đức hạnh, thì gọi đó là hết mực cung kính, xa thì cúi đầu vái tay, gần thì liếm chân xoa cẳng đùi. Phạm có bảo ban ngôn từ, mà vâng phụng mạng lệnh thì vén áo quỳ dài. Với các bậc tôn hiền nhận sự kính bái thì hẳn có lời an ủi, hoặc đưa tay xoa đảnh đầu, hoặc vỗ về trên vai lưng, khéo nói lời chỉ bảo ủy an để tỏ bày sự thân gần nồng đượm. Đối với hàng xuất gia Sa-môn đã thọ kính lễ, chỉ thêm tâm nguyện tốt lành, không chỉ quỳ bái, tùy theo sự việc tôn kính, phần nhiều có đi nhiễu quanh hoặc chỉ một vòng, hoặc lại ba vòng, giữ tâm riêng cầu thỉnh, số mục thì tùy theo sự ước muốn.

Phạm mắc phải bệnh tật thì bỏ ăn bảy ngày, trong kỳ hạn đó, phần nhiều có được thuyên giảm, hẳn chưa hoàn toàn lành khỏi mới nên uống thuốc, tánh loại danh chủng của thuốc chẳng đồng, tài nghệ của thầy thuốc đoán xem có khác. Như có người chết, đến viếng lễ tang buồn thương cùng khóc, xé áo, bứt tóc, đánh má đấm ngực, phục chế không hạn định, tang kỳ chẳng số lượng. Nghi thức tiễn đưa tổng táng có ba cách: - 01 là hỏa táng tức chất củi mà thiêu đốt - 02 là thủy táng tức đem thả chìm dưới dòng nước và - 03 là dã táng tức vất bỏ vào rừng cho cầm thú rửa ăn. Quốc vương băng hà thì trước lập người kế dối để làm chủ tang tế và đề định trên dưới. Khi sống có lập đức hiệu, đến lúc chết không bàn nghị tên thụy. Nhà có tang họa mọi người chẳng đến ăn. Sau khi tẩn táng, thường không húy kỵ. Mọi người đến dự đưa tang, cho là không sạch sẽ, nên đều ra ngoài thành quách tẩm gội sau đó mới vào. Đến như những vị lão thành cao thọ, thời hạn chết sắp đến, bệnh tật trầm kha, ngăn mé sự sống sợ cùng cực, nhàm lìa trần tục, mong muốn xa bỏ cõi nhân gian, xem thường khinh bỉ sự sống chết, mong xa

khỏi đường đời. Khi đó các người thân quen trước cũ, bè bạn cùng biết, tấu nhạc bày hội tiễn đưa, đặt đống trên một chiếc thuyền, gõ mái chèo đưa đến trong sông Khắc già mà tự chìm đắm, cho đó là được sinh lên cõi trời. Mười người chỉ có một, thật sự chưa tận mắt thấy sự hẹp hòi đó. Với chúng tăng xuất gia thì có định chế không khóc gào, song thân qua đời thì tụng niệm để báo đáp ân đức, truy tìm tới xa cần trọng đến cùng, thật giúp minh phước vậy.

Chính ách khoa giáo đã khoan thoáng, có vụ cũng giản đơn, nhà không sách sổ, người chẳng thuế khóa, trong đất ruộng vua phần lớn phân chia thành bốn phần: - 01 là sung vào nước nhà lo việc cúng tế - 02 là để phong dựng phụ tử tế thần - 03 là tưởng thưởng những người thông duệ thật học cao tài - 04 là gieo trồng ruộng phước, cung cấp các hàng dị đạo. Do đó thu kiểm nhẹ mỏng, dao thuế xét kiểm, mỗi tự an bài thế nghiệp đều thuê mướn theo khẩu phần, mướn gieo trồng ruộng đất vua đó là một trong sáu thứ thuế. Thương nhân buôn bán đuổi theo tài lợi qua lại đổi dời, bến đường phòng ải thuế nhẹ qua sau. Nước nhà xây dựng chẳng hư dối nhọc làm, căn cứ công việc hoàn thành mà đáp trả giá trị. Đối với người trấn thú chinh hành cung lô doanh vệ, lưỡng sự chiêu mộ mà treo thưởng đãi người. Tế mục, phụ thần, thứ quan, liêu tả, mỗi mỗi đều có phân đất, phong ấp tự ăn. Thổ phong đất đai đã riêng biệt, địa lợi cũng sai khác, hoa cỏ cây trái giống loại xen tạp khác tên, như là: quả Am một la, quả Am nhị la, quả Mạt đế ca, quả Bạt đạt la, quả Kiếp tử tha, quả A mạt la, quả Trấn đồ ca, quả Ô đàm bạt la, quả Mậu già, quả Na lợi cân, quả Bàn.... sa, phàm các loại như thế, khó thể ghi bày đầy đủ. Thấy người đời trân quý đó nên lược nêu như vậy. Đến như các thứ táo, lật, cây, thi, thi tại Ấn Độ không nghe có, còn lê, nài, đào, hạnh, bồ đào, v.v... các giống trái cây này từ nước Ca thấp đi la trở lại thường thường có trồng. Các thứ thạch lựu, cam, quật, ở các nước đều có trồng. Đào xối đất đai nông vụ cày bừa gặt gieo lúa mạ, gieo trồng theo mùa, mỗi mỗi đều theo lao nhọc quá. Đất đai thích sinh sản các giống lúa giê lúa tẻ lắm nhiều. Còn giống rau lá thì có gừng, rau cải, dưa, bầu, huân đà, v.v..., hành, tỏi tuy thiếu ít mà người ăn cũng hiếm. Trong nhà có người ăn thì ruộng đuổi ra ở ngoài quách. Đến như các thứ sữa, lạc, mỡ, dầu, đường cát, đường phèn, dầu hạt cải là các gia vị ngon lành của các thứ bách bún. Lúc cúng tế hiếm thấy các thứ thịt cá, dê, chương, nai. Và với các thứ trâu, lừa, voi, ngựa, heo, chó, chồn, sói, sư tử, khỉ, vượn, loài thú lông này hết thấy đều không nghe đến mùi vị ăn uống. Nếu người nào ăn thì hẹp hòi xấu hổ, mọi người đều ghét

gồm, lánh ở ngoài thành quách, hiếm thấy dấu vết nơi nhân gian. Đến như sự sai khác của rượu lễ, mùi vị riêng biệt khác dòng. Bồ đào, cam giá thì chủng tộc sát để lợi uống. Men bách rượu nồng thì hàng phệ xa, v.v... uống. Còn Sa-môn và Bà-la-môn uống nước tương của cam giá, bồ đào, chẳng gọi là đó là rượu lễ (rượu ngọt) vậy. Còn các giòng họ xen tạp, chủng tộc thấp hèn không có dòng riêng biệt, nhưng mọi vật họ sử dụng công và chất có khác, dụng cụ mọi vật tùy thời không thiếu. Tuy chỗ vạc dùng đó mà nấu chẳng biết, phần nhiều sử dụng chén đất, ít dùng đồng đồ, ăn thì chỉ trong một đồ vật, các thứ ăn trộn đều, dùng ngón tay bốc vốc, chẳng sử dụng thìa đũa, đối với người già bệnh mới dùng thìa bằng đồng.

Lại về các thứ vàng, bạc, than đá, bạch ngọc, hỏa châu phong thổ sinh lại càng chất đầy, vật báu xen tạp trân quý, kỳ đặc, khác loại khác tên, đưa ra ngoài góc biển để dễ tìm cầu trao đổi, nhưng mà của cải sử dụng giao đổi có không, tiền vàng, tiền bạc, ngọc búi, ngọc nhỏ, khắp biên giới cảnh vực Ấn Độ đều có đầy đủ. Về sự sai khác của thổ phong đất đai đại khái như vậy, đồng đều cùng suốt, bày sơ khái lược. Còn khác chánh sách khác tập tục sẽ y cứ theo từng nước mà nêu bày.

1 - NƯỚC LẠM BA.

Nước Lam Ba chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía bắc gối lưng với núi tuyết, còn ba phía kia là Hắc lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ vào trăm năm trở lại đây, giòng họ vua chúa nước ấy không người nối dõi. Các nhà hào kiệt có sức lựa đua tranh lẫn nhau, không có quân trưởng lớn, gần đây mới phụ thuộc vào nước Ca tất thí. Đất đai thích nghi với lúa canh lúa giê, có nhiều cam giá. Cây rừng tuy lắm nhiều mà trái quả hiếm ít. Khí hậu dần ấm nóng, hơi có sương mù mà không tuyết. Tập tục nước đó rất phong phú về âm nhạc, mọi người đều mến chuộng ca vịnh, chỉ tánh nhút nhác, lòng dạ đối trá, lại cùng nhau khinh rẻ xoi bói, chưa có sự tôn kính nhường trước, thể chất dung mạo con người thấp nhỏ, cử chỉ hành động thô tháo, phần nhiều vận mặc vải lông tơ sắc trắng, trang sức sạch đẹp. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hiếm ít phần nhiều đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo rất đông nhiều. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn trăm dặm, vượt qua đảnh núi lớn và một dòng sông lớn là đến nước Na Yết La Hạt (thuộc cảnh vừa bắc Ấn Độ).

2 - NƯỚC YẾT NA LA HẠT.

Nước La Yết La Hạt từ đông sang tây dài hơn 600 dặm, từ nam đến bắc rộng khoảng 250 - 260 dặm, núi bao bọc chung quanh bốn phía, huyện cách hiểm trở. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, không có quân trưởng lớn, chủ lệnh làm việc đều phụ thuộc nước Ca Tất Thí. Nước đó có lắm lúa thóc, nhiều hoa quả, khí hậu ấm nóng, phong tục thuần chất, con người nhanh nhẹn hùng mạnh, xem thường của cải ham thích tập học, sùng kính Phật pháp, ít người tin theo dị đạo. Già lam tuy lắm nhiều mà chư tăng hiếm ít, các ngôi Tốt-đổ-ba đều hoang tàn hư hoại. Có năm ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo có hơn trăm người.

Từ thành đi về hướng đông cách khoảng hai dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 300 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, đá sắp kỳ đặc cao nổi, khắc chạm chế tác kỳ vĩ. Đó là nơi xưa kia Bồ-tát Thích-ca gặp đức Phật Nhiên Đăng mà trải áo da nai và tóc để lấp che vũng sinh mà được thọ ký. Thời gian đã trải qua kiếp loại mà vết tích ấy không mất. Hoặc có những ngày trai, trời mưa các thứ hoa. Dân chúng thành tâm ưa nhau cúng dường. Từ đó về phía tây, có một ngôi già lam, chư tăng hiếm ít. Lại tiếp về phía nam có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là chỗ đất xưa kia bít che vũng sinh, vua Vô Ưu tránh đường lớn mà tạo tượng nhỏ hẹp vậy.

Trong thành có một ngôi Tốt-đổ-ba lớn chỉ còn nền cũ. Nghe các bậc lão thành nói xưa trước có chiếc răng Phật cao lớn nghiêm lệ, nay đã không còn răng, chỉ còn lại nền móng cũ. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 30 thước, tập tục xứ đó tương truyền không biết nguồn gốc mà chỉ nói là từ trên không trung xuống, nền móng cao vợi như thế, đã chẳng phải công sức của con người, thật có lắm điềm linh.

Từ thành về phía tây nam cách hơn 10 dặm, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai từ Trung Ấn Độ vượt giữa hư không đi giáo hóa giáng vết ở đó. Dân chúng nước đó cảm mộ nên tạo lập nền móng linh thiêng đó. Từ đó về hướng đông cách không xa lắm có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia Bồ-tát Thích-ca gặp đức Phật Nhiên Đăng mà mua hoa tại đó.

Từ thành về phía tây nam cách hơn 20 dặm đến một đỉnh núi đá nhỏ, có một ngôi già lam, nhà cao trùng các sắp chất đá làm thành, sân nhà vắng vẻ, tuyệt không có chúng tăng. Bên trong có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng.

Từ ngôi già lam ấy về phía tây nam có một khe suối hiếm tuyệt, nước đổ dốc theo dòng bay sườn vách dựng đứng. Ở vách đá sườn núi

phía đông có một hang động lớn là nơi ở của rồng Cù ba la, cửa tắc hẹp nhỏ, hang hóc mờ tối, sườn đá nước rỏ nhỏ, đường tắc ra các dòng khác. Xưa trước có hình ảnh của đức Phật, rõ ràng như chân dung, tướng hảo đầy đủ, nghiêm nhiên như đức Phật hiện tại ở đời. Trong thời gian trở lại gần đây, con người chẳng thấy cùng khắp, giả sử như có trông thấy cũng chỉ phảng phất mà thôi. Nếu người chí thành cầu thỉnh thì có sự thâm cảm, thì tạm rõ thấy nhưng chẳng lâu dài. Xưa kia khi đức Như Lai còn tại thế, Rồng đó là một gã chần trâu, đem sữa lạc dâng cúng vua, vì hiến dâng cử chỉ mất oai nghi nên đã bị khiển trách, trong lòng bèn ôm hoài sân hận, bèn dùng tiền vàng mua hoa đến cúng dường ở ngôi Tốt-đổ-ba, nơi xưa kia Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Bồ-tát Thích-ca, mà phát nguyện làm rồng độc ác phá nước hại vua, rồi đến nơi vách đá ném thân mình mà chết, bèn sinh nơi hang đó làm vua rồng lớn liền muốn ra khỏi hang để hành động cho thành đạt ý nguyện vốn độc ác. Vừa khởi tâm đó, thì đức Như Lai đã soi xét xót thương dân chúng nước đó sẽ bị rồng làm hại, nên vận dụng sức thần thông từ xứ Trung Ấn Độ đến đó. Rồng thấy đức Như Lai thì tâm ác độc liền ngưng dứt, vâng thọ giới không giết hại, và phát nguyện hộ trì chánh pháp. Nhân đó cầu thỉnh đức Như Lai thường ở tại hang đó, cầu thỉnh các Thánh đệ tử Phật thường thọ nhận sự cúng dường của mình. Đức Như Lai bảo là: “Ta sắp nhập Niết bàn, nên vì người mà lưu lại hình ảnh, và khiến 500 vị A-la-hán thường nhận sự cúng dường của người, mãi đến lúc chánh pháp ẩn mất, việc này cũng không tan mất. Nếu lúc tâm ác độc của người nổi dậy tức giận thì nên trông nhìn hình ảnh của ta lưu lại, do sức từ thiện nên tâm ác độc sẽ ngưng dứt. Và các đức Thế Tôn sau này trong đời hiện kiếp cũng vì xót thương người mà lưu lại ảnh tượng”. Phía ngoài hang ảnh tượng đó có hai tảng đá vuông, trên một tảng đá có dấu vết chân đức Như Lai dẫm đạp, tướng vòng tròn hiện rõ, có khi tỏa phóng ánh sáng. Hai bên ảnh tượng đó có nhiều ngôi thạch thất, đều là nơi các Thánh đệ tử đức Như Lai nhập định. Từ hang ảnh tượng ất về góc tây bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai kinh hành. Bên cạnh đó có một ngôi Tốt-đổ-ba có tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Cách đó không xa lại có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai bày xướng Chân Tông giảng nói các pháp Uẩn, Xứ, Giới. Từ hang ảnh tượng đó về hướng tây có một tảng đá lớn là nơi xưa kia đức Như Lai giặt nhuộm pháp y ca sa trên đó, đường văn hình ảnh hiện tại vẫn còn.

Từ thành về phía đông nam cách hơn 30 dặm đến thành Hê La.

Chu vi thành ấy rộng khoảng 4 - 5 dặm, dựng đứng cao vợi chung quanh hiểm hóc, hoa rừng ao hồ sáng sạch lừng soi. Người ở trong thành thuần chất chánh tín. Lại có trùng các khắc họa đôn dong, cột đứng sắc son. Trong tầng các thứ hai có ngôi Phù đồ nhỏ bằng bảy báu tôn trí cốt xương đánh đầu của đức Như Lai, chu vi cốt xương rộng một thước hai tấc, lỗ chân tóc rõ ràng sắc màu vàng trắng, dùng hộp báu để tôn trí rồi thiết đặt trong Tốt-đổ-ba. Nếu người muốn biết mọi sự thiện ác thì dùng mặt hương hòa với bùn ấn vào cốt xương đánh đầu đó, sẽ tùy theo phước đức cảm hiện đường văn rõ ràng. Lại có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ bằng bảy báu tôn thờ cốt xương đầu sọ đức Phật, tướng trạng như lá sen, sắc màu đồng như cốt xương đánh đầu. Cũng dùng hộp báu tôn trí phong đậy mà thiết đặt. Lại có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ bằng bảy báu tôn thờ trông mắt của đức Như Lai, trông mắt lớn như trái nài, tỏa sáng thấu suốt ánh ngời cả trong ngoài. Cùng dùng hộp báu tôn trí phong bít mà thiết đặt. Lại có pháp y Tăng-già chi ca sa của đức Như Lai bằng bông tơ nhỏ mịn làm nên, sắc màu vàng đỏ, tôn trí trong hộp báu. Thời gian năm tháng trải qua lâu dài đã hơi có phần hư hoại. Lại có tích tượng của đức Như Lai dùng bằng sắt trắng làm vòng, gỗ chiên đàn làm cán, làm ống bằng vật báu để tôn trí. Gần đây có vị quốc vương nghe các vật ấy đều là phục dụng xưa kia của đức Như Lai, bèn cậy ý thế lực bức hiếp lấy đem về, khi đã về đến nước nhà, tôn trí nơi cung ở, chưa tới sáng hôm sau, tìm kiếm lại thì đã mất, bèn trở lại tìm hỏi thì các vật trở về lại nơi chốn cũ. Năm Thánh tích ấy có lắm linh dị. vua nước Ca tạt thí ban lệnh năm người tịnh hạnh chăm lo cấp hầu hương hoa. Mọi người đến trông xem lễ bái liên tục không ngưng dứt. Các vị tịnh hạnh v.v... muốn theo sự tĩnh lặng, thân lấy tài vật của người kính trọng, tạp lập khoa điều để giảm bớt sự huyền tạp, đại khái như là: người muốn trông xem cốt xương đánh đầu của đức Như Lai thì đóng thuế một tiền vàng, người muốn ấn xem tốt xấu thì đóng thuế năm tiền vàng, ngoài ra các tiết cấp theo thứ lớp khoa điều. Khoa điều tuy nặng mà người đến trông xem lễ bái lại càng đông nhiều. Từ trùng các về phía tây bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba cũng rất cao lớn và lắm nhiều linh dị. Như người đưa ngón tay xúc chạm đến bèn liền lay động liền cả nền móng chuyển động, linh khánh hòa reo.

Từ đó theo hướng đông nam đi trong hang núi hơn 500 dặm, đến nước Kiện Đà La (xưa trước gọi là Càn đà vệ tức là sai lầm, thuộc cảnh vực bắc Ấn Độ).

3 - NƯỚC KIỆN ĐÀ LA.

Nước Kiện Đà La từ đông sang tây dài hơn ngàn dặm, từ nam đến bắc rộng hơn 800 dặm, phía đông gần sông Tín Độ. Đô thành lớn của nước đó tên là Bố Lộ Sa Bố La, chu vi rộng hơn 40 dặm. Giòng tộc vua chúa không người nối dõi, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Tất Thí. thôn ấp hoang trống hiếm thiếu người ở. Tại một góc cung thành có hơn một ngàn hộ dân. Lúa thóc lắm nhiều, hoa quả tươi tốt, có nhiều cam giá, và cũng là sản sinh thạch lựu. Khí hậu ấm nóng, đại khái không có sương tuyết. Con người tánh tình khiếp sợ ưa thích tập học điển nghệ, phần nhiều kính sùng ngoại đạo, hiếm ít người tin kính chánh pháp. Từ xưa trở lại khắc các các xứ ở Ấn Độ, các luận sư trước tác luận như tôn giả Na La Diên Thiên, Bồ-tát Vô Trước, Bồ-tát Thế Thân, Sa-môn Pháp Cứu, Như Ý, Hiệp Tôn giả, v.v... vốn sinh tại nước ấy. Có hơn ngàn ngôi Tăng-già lam đều đã sụp đổ hư nát tiêu điều hoang phế. Các ngôi Tốt-đổ-ba cũng lắm nhiều nhưng đều hư hoại. Có hàng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Bên trong Vương thành về góc đông bắc có một nền móng cũ, xưa trước là đài báu tôn trí bình bát của đức Phật vậy. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, bình bát lưu tại nước đó, trải qua vài trăm năm kính lễ cúng dường, lưu chuyển các nước, hiện nay tại nước Ba Thích Tư. Phía ngoài thành về hướng đông nam cách khoảng 8 - 9 dặm, có cây Tỳ-bát-la cao hơn trăm thước, cành lá đơn sơ, bóng râm mờ kín. Bốn đức Phật ở thời quá khứ đã từng ngồi dưới đó, nay hiện còn có tôn tượng của bốn đức Phật ngồi. Còn lại 996 đức Phật trong thời Hiền kiếp đều sẽ ngồi tại đó. Thần minh cảnh vệ, linh giám ngậm gia bị. Xưa kia đức Thích-ca Như Lai ở dưới cây đó, xoay mặt về hướng nam mà ngồi và bảo tôn giả A-nan rằng: “Sau khi ta nhập Niết bàn khoảng 400 năm, sẽ có vị vua trị đời hiệu là Ca Nị Sắc Ca về phía nam này cách đây không xa tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba, tất cả xá lợi cốt thịt của ta phần nhiều nhóm tập vào trong đó”.

Ở phía nam cây Tỳ-bát-la có ngôi Tốt-đổ-ba do vua A Nị Sắc Ca tạo dựng. vua Ca Nị Sắc Ca là sau khi đức Như Lai nhập Niết bàn trong trăm năm thứ tư, ứng vận thống trị Thiện - Bộ châu. vua vốn không tin tội phước, khinh hủy Phật pháp. Lược đến đêm cỏ gặp thấy một con thỏ trắng, vua men gần rượt đuổi tới nơi, bỗng nhiên ẩn mất, thấy một trẻ nhỏ chẵn trâu ở nơi rừng cây làm một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ cao hơn ba thước. vua hỏi: “Người làm gì vậy?”. Đứa trẻ chẵn trâu ấy đáp rằng: “Xưa kia đức Phật Thích-ca dùng Thánh trí huyền ký sẽ có vị quốc

vương đến chốn Thánh địa này tạo lập Tốt-đổ-ba, và xá lợi thân Phật phần nhiều chứa nhóm trong đó. Đại vương là bậc Thánh đức Tốt-đổ gieo trồng xưa trước, danh hiệu phù hợp với dự nghi xưa. Thần Công thắng phước đáng thuộc thời buổi này. Nên nay tôi trước cùng phát thệ nguyện”. Nói lời ấy xong bỗng nhiên ẩn mất. vua nghe lời ấy rồi, mừng vui dấn lớn trong lòng, tự mang danh hiệu của đại Thánh dự ghi xưa trước, nhân đó phát khởi niềm tin chân chánh rất kính trọng Phật pháp, bèn bao quanh ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ ấy lại tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, muốn dùng công lực xây dựng cao che phủ lên trên, nhưng tùy theo số lượng đó ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ kia vẫn nổi trội ra ngoài cao hơn ba thước. Cứ tăng cao như vậy vượt hơn 400 thước, nền móng cao vợi, chu vi rộng đến cả dặm rưỡi. Tầng nền 5 cấp cao 150 thước, mới che phủ được ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ kia. Nhân đó, vua càng vui mừng, lại ở phía trên đó tạo dựng 25 tầng tường vòng bánh xe bằng vàng đồng, và đem một học xá lợi của đức Như Lai tôn trí trong đó, kính lễ tu tạo cúng dường. Xây dựng vừa xong bỗng thấy ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ xuất hiện một nửa bên cạnh dưới góc đông nam nền móng lớn, vua bèn sinh tâm bất bình, liền ném bỏ mà bèn ở trong nền móng đá dưới tầng cấp thứ hai của ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Hiện một nữa, lại trở về chỗ gốc có xuất hiện một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, vua mới thối lui mà than rằng: “Than ôi! Việc người đời dễ mê mờ, công sức thần khó bít che. Phàm sự phù trì của linh Thánh, ta tức giận sao kịp!”. Hồ thẹn sợ hãi, sám tạ lỗi quá mà trở về. Hai ngôi Tốt-đổ-ba đó đến nay vẫn hiện còn. Như người có bệnh tật muốn mong cầu lành mạnh, thoa hương rải hoa, chí thành quy mạng, phần nhiều đều được lành mạnh. Nơi thêm cấp đá phía nam ở mặt phía đông ngôi Tốt-đổ-ba lớn khắc chạm làm hai ngôi Tốt-đổ-ba; một ngôi cao ba thước và một ngôi cao năm thước, quy mô hình trạng giống như ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Lại tu tạo hai tôn tượng Phật; một tôn tượng cao bốn thước và một tôn tượng cao sáu thước phỏng theo hình dáng tôn tượng ngôi kiết già dưới gốc cây Bồ-đề. Mặt nhật chói sáng, sắc vàng ánh ngời. Bóng âm dần dờn vẫn đá xanh biếc. Nghe các bậc lão thành nói là: “Vài trăm năm trước, có lỗ hổng nói nền móng đá có loài kiến sắc màu vàng rờng; con lớn bằng ngón tay con nhỏ tựa hạt lúa tẻ, đồng loại cùng theo nhau gặm nhấm nơi vách đá đường vân như khắc chạm, bên cạnh dùng cát vàng làm bên tôn tượng ấy đến nay hiện còn”.

Ở mặt phía nam thêm cấp đá của ngôi Tốt-đổ-ba lớn có họa tôn tượng Phật cao một trượng sáu thước, từ ngực trở lên phân thành hai thân, từ ngực trở xuống hợp làm một hình. Nghe các bậc lão thành kể

rằng: “Mới đầu có một người nghèo khổ dốc sức làm thuê mượn để tự sống, có được một tiền vàng, phát nguyện muốn tu tạo tôn tượng đức Phật, đến nơi ngôi Tốt-đổ-ba nói cùng người thợ đắp họa rằng: “Nay tôi muốn đắp họa Diệu tướng đức Như Lai, mà chỉ có được một tiền vàng trả công còn thiếu, giữ lòng buồn mang bức bách bởi sự nghèo thiếu”. Khi ấy người thợ đắp họa đó xét thấy sự chí thành của người nghèo khổ ấy mà bảo rằng: “Chớ lo tính đến trị giá, tôi hứa sẽ làm hoàn thành”. Sau đó lại có một người khác sự tình cũng đồng như thế, mang đến một tiền vàng, cầu xin họa tôn tượng Phật, khi ấy người thợ họa vẽ ấy nhận tiền của hai người nghèo khổ đó chọn mua các sắc màu xanh, đồ diệu kỳ cùng chung họa làm một tôn tượng. Về sau, hai người nghèo khổ ấy đồng một ngày cùng đến kính lễ. Người thợ họa vẽ đó đồng chỉ một tôn tượng cho cả hai người ấy mà bảo rằng: “Đó là tôn tượng của các người tu tạo vậy”. Hai người ấy cùng trông nhìn mà như có sự nghĩ ngợi lo toan. Trong tâm người thợ vẽ đó biết họ có điều nghi nên nói với hai người ấy rằng: “Cớ sao nghĩ ngợi âu lo lâu vậy? Phàm tiền vật tôi nhận, đã vì tu tạo, một may cũng không khuyết thiếu. Nếu lời tôi nói đây chẳng sai lầm thì tôn tượng hẳn có thần biến”. Lời nói chưa yên lặng, tôn tượng liền hiện linh dị, phân thân giao ảnh, tướng sáng tỏa chiếu hiển trước, hai người nghèo khổ ấy cùng vui lòng, kính tin hoan hỷ”.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba lớn ấy đi về phía tây nam cách hơn trăm bộ có tôn tượng đức Phật bằng đá trắng cao một trượng tám thước xoay mặt hướng bắc mà đứng, có nhiều linh tượng, từng tỏa phóng ánh sáng. Bấy giờ có người trông thấy tôn tượng ban đêm ra ngoài đi nhiều quanh ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Gần đây có bọn giặc muốn vào trộm cướp, tôn tượng bèn ra nghênh đón giặc, bọn giặc kinh sợ rút lui, tôn tượng trở về lại chỗ cũ đứng yên như cũ, bọn giặc nhân đó mà cãi đổi lỗi quá làm mới cuộc đời, rảo bước trong thôn ấp, nói bày khắp gần xa. Hai bên ngôi Tốt-đổ-ba lớn có hàng trăm ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ xếp hàng như vảy cá. Tôn tượng Phật trang nghiêm, ân công thợ khéo cùng. Có lúc nghe thấy mùi hương khác lạ, âm thanh kỳ đặc, hoặc thấy tiên linh Thánh hiền đi nhiều chung quanh. Với ngôi Tốt-đổ-ba, xưa kia đức Như Lai có dự ghi là trải qua bảy lần bị thiêu đốt, bảy lần tạo dựng lại thì Phật pháp mới diệt tận. Theo các bậc tiên hiền ghi chép lại là thành hoại đã qua ba lần. Mới đầu, khi Huyền Trang tới đến nước đó vừa gặp phải hoạn nạn lửa lớn, nên đang thấy tạo dựng còn chưa hoàn thành.

Phía tây của ngôi Tốt-đổ-ba lớn có một ngôi già lam cũ do vua Ca Nị Sắc Ca tạo dựng. Trùng các nhiều lớp sàn, tầng đài phòng rộng, cờ

với cao tăng, kinh soi cảnh phước. Tuy đã hủy hoại mà còn đáng gọi là kỳ công. Tăng chúng tuy giảm ít và đều học theo giáo pháp Tiểu thừa, tự tạo dựng ngôi già lam, làm ra khác với nhân gian. Các bậc luận sư trước tác luận và những vị chứng đắc Thánh quả, gió trong còn quạt, chí đức chưa hết. Nơi trùng các thứ ba có phòng thất của tôn giả Ba Lạt Thấp Phước (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hiếp) từ lâu đã bị sụp đổ hư hoại, mà còn lập nêu tiêu biểu. Mới đầu tôn giả làm vị thầy phạm chí, tuổi đến 80 mới xả tục xuất gia. Các hàng niên thiếu trong thành bèn dèm pha đó rằng: “Lão già ngu phu sao trí cạn thế, phàm người xuất gia có hai hạnh nghiệp: - 01 là chuyên hành tập thiền định; 02 - là tụng kinh, mà nay già yếu không thể tiến tới, lạm dấu vết nơi dòng thanh tịnh, không biết ăn no”. Khi ấy tôn giả Hiếp nghe những lời gièm pha bàn nghị đó, nhân cảm tạ mọi người ở đương thời mà tự lập thế nguyện rằng: “Nếu như tôi chẳng thông hiểu nghĩa lý của Tam Tạng Thánh giáo, chẳng dứt đoạn dục trong tam giới, chẳng chứng đắc sáu pháp thần thông và đầy đủ tám pháp giải thoát, thì trọn đặt lưng xuống chiếu”. Từ đó về sau chỉ ban ngày chẳng đủ, kinh hành an tọa đi đứng tư duy, ngày thì nghiêm tâm tập học giáo lý, đêm mới tĩnh lặng ngưng thần, liên miên trải suốt ba năm, học thông Tam Tạng, dứt đoạn dục trong ba cõi, chứng đắc trí tam minh. Người thời bấy giờ rất kính ngưỡng, nhân đó xưng hiệu là Hiếp tôn giả vậy.

Phía đông của thất tôn giả Hiếp có phòng thất cũ, là nơi xưa trước Bồ-tát Thế Thân ở đó chế tác luận A-tỳ-đạt-ma câu xá. Mọi người tôn kính đó nên phong niệm và ghi lại vậy.

Từ thất của Bồ-tát Thế Thân về phía nam cách hơn 50 bộ (dặm?), tại trùng các thứ hai, xưa kia luận sư Mạt Nô Thích Tha (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Như Ý) ở tại đó chế tác luận Tỳ-bà-sa. Quận sư Như Ý xuất hiện sau khi đức Thế Tôn thị tịch trong ngàn năm. Thừa thiếu thời ham thích học, có tài hùng biện, tiếng tăm vang xa, các hàng pháp tục thấy đều quy tâm. Bấy giờ vua nước Thất La Phật Tất Đế là Ngạt La Ma A Diệt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Siêu Nhật) oai phong thắm đượm xa. Quan thần đi đến các xứ Ấn Độ, vua Siêu Nhật đem năm ức tiền vàng chu cấp cho những người nghèo khổ cô độc, vị quan thần chủ kho tàng lo sợ nước nhà sử dụng thiếu thốn, mới tâu trình can ngăn rằng: “Đại vương oai phong trùm khắp các tục, đượm nhuận đến cả côn trùng, xin tăng thêm ba ức tiền vàng để cung cấp mọi người khốn khó khắp bốn phương, kho lẫm phủ tàng đã rộng không, canh thuế có đất, lại kiểm không thôi, tiếng oán dần vang thì quân

thượng có Ân chu cấp, mà thần hạ bị trách cang”. Vua bảo rằng: “Nhóm tụ thì có thừa mà ban cấp chẳng đủ. Chẳng phải cầu thủ vì tự thân xa xỉ chẳng dùng cho nước nhà”. Bèn tăng thêm năm ức tiền vàng ban cấp cho những người nghèo thiếu. Sau đó, vua đi săn, đuổi theo một con heo mất dấu vết. Nếu ai tìm thấy được dấu vết hẳn sẽ ban thưởng một ức tiền vàng. Luận sư Như Ý sai một người cạo đầu, liền được ban thưởng một ức tiền vàng. Sứ thần nước đó y cứ theo vậy mà ghi chép. vua xấu hổ bị chơi cao, trong lòng tấm tức, muốn mọi người làm nhục Luận sư Như Ý, mới chiêu tập các hàng dị học đức nghiệp cao sâu có cả trăm người mà ban lệnh rằng: “Muốn thâm sự thấy nghe đến các cảnh thật, các hàng dị đạo lẫn lộn xen tạp quy tâm chẳng thi thố, nay xét xem sự hơn kém để chuyên tinh tuân phụng”. Kịp đến lúc nhóm tập cùng nghị luận, vua lại ban lệnh rằng: “Các luận sư ngoại đạo đều là những bậc anh tuấn. Pháp chúng Sa-môn khéo nên giữ vững tông nghĩa. Nếu thắng thì sùng kính Phật pháp còn thất bại thì giết hết chúng tăng”. Khi ấy luận sư Như Ý cật vấn các ngoại đạo, hết 99 người đã rút lui bay khỏi. Chỉ còn một người dưới chiếu trông nhìn đó mà khinh thường luận sư Như Ý, và nhân đó mà kịch liệt đàm luận nói đến lửa khói. vua cùng vị ngoại đạo đầu rầm rĩ nói rằng: “Luận sư Như Ý trông nhả ngôn từ nghĩa lý có sự thất bại. Phàm trước nói về khói, sau đề cập đến lửa, đó là sự lý có thường vậy”. Luận sư Như Ý tuy muốn giải thích cật nạn mà vua và ngoại đạo trọn chẳng nghe xét, bèn tự xấu hổ bị chúng làm nhục, bèn cắn lưỡi mình, và viết lời răn bảo chúng cùng môn nhân là Bồ-tát Thế Thân rằng: “Bọn đảng viện không biết tranh đua đại nghĩa, trong bầy mê chẳng hiện rõ chánh luận”. Nói viết xong, bèn thị tịch, sau đó không lâu, vua Siêu Nhật mất nước. Vị vua mới lên ngôi tiếp nhận ban biểu chiêu thử tài hiền. Khi ấy Bồ-tát Thế Thân muốn rửa tủi nhục xưa trước nên đến tâu cùng vua rằng: “Đại vương dùng đức Thánh mà ứng vận, vì quần sinh mà làm chủ mạng. Thầy tôi xưa trước là Luận sư Như Ý học cùng huyền áo. Tiên vương giữ luận bảo chúng làm nhục cao tăng. Tôi được tiếp thừa sự răn dạy dẫn dụ nên muốn trả lại oán trước”. Vị vua ấy vốn biết luận sư Như Ý là bậc triết nhân, tán thán tiết tháo cao nhã của Bồ-tát Thế Thân, mới chiêu tập các hàng ngoại đạo ngày trước đã từng tranh luận với luận sư Như Ý. Bồ-tát Thế Thân bèn thuật lại ý chỉ xưa trước, các hàng ngoại đạo đều tạ khuất mà rút lui.

Từ ngôi già lam do vua Ca Nị Sắc Ca tạo lập theo hướng đông bắc đi hơn 50 dặm, vượt qua một dòng sông lớn đến thành Bồ Sắc Yết La Phật Để, chu vi thành ấy rộng khoảng 14 - 15 dặm, dân chúng sinh sống

đông nhiều, cửa ngõ thôn xóm thông liền. Tại ngoài cửa phía tây thành có một ngôi đền thờ trời, tôn tượng trời rất oai nghiêm, có lắm linh dị tương tục.

Từ thành về phía đông có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, tức là nơi giảng pháp của bốn đức Phật thời quá khứ. Xưa trước các bậc Thánh hiền từ Trung Ấn Độ giảng thần tiếp hóa mọi vật ở xứ ấy thật lắm nhiều, như Luận sư Phật Tô Mạt Đạt La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thế Hữu, xưa trước gọi là Hòa Tu Mạt Đa tứ sai nhầm vậy) ở tại đó chế tác luận Chúng sự phân A-tỳ-đạt-ma.

Từ thành về hướng bắc cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi già lam cũ, sân nhà hoang lạnh. Chư tăng chiếm ít, nhưng đều tôn kính tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa. Và cũng là nơi luận sư Đạt Ma Đạt La Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Pháp Cứu, xưa trước gọi là Đạt Ma Đa-la tức sai nhầm vậy) ở tại đó chế tác luận Tạp A-tỳ-đạt-ma.

Bên cạnh ngôi già lam có ngôi Tốt-đổ-ba cao vài trăm thước do vua Vô Ưu tạo lập, chạm khắc trên cây gỗ đường văn nói đá rất khác lạ với công năng của con người. Là nơi xưa kia đức Phật Thích-ca làm vị quốc vương tu hạnh Bồ-tát, tùy theo tâm mong muốn của chúng sinh mà ban ân bố thí không mệt mỏi, táng thân không bỏ sót. Ở tại cõi nước đó đã ngàn đời làm vua, và ngay tại xứ ấy ngàn đời xả thí mất.

Từ nơi xả thí mất về hướng đông cách không xa, có hai ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, mỗi ngôi cao hơn trăm thước. Ngôi bên hữu do Phạm vương tạo lập, dùng bằng các vật báu vi diệu ngợi ánh để trang sức đó. Sau khi đức Như Lai diệt độ các vật báu ấy đều biến thành đá, nền móng tuy sụp đổ mà vẫn còn cao lớn.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba do Phạm Thích tạo lập theo hướng tây bắc đi hơn 50 dặm, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Thích-ca Như Lai đến đó giáo hóa Quỷ Tử Mẫu, khuyên bảo chớ nên làm hại người. Nước đó có tập tục đến đó cúng tế để cầu con nối dõi.

Từ nơi đức Như Lai giáo hóa Quỷ Tử Mẫu theo hướng bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia Bồ-tát Thương Mạc Ca (xưa trước gọi là Bồ-tát Ánh Ma tức là sai nhầm vậy) cung kính hành hạnh các dục nuôi dưỡng chăm sóc song thân bị mù, đến đó nhặt hái rau quả, gặp vua đi săn nên bị trúng nhảm tên độc, do sự chí thành cảm linh được thiên đế ban trao thuốc, nhờ đức cảm động đến minh Thánh nên sau đó liền được sống lại.

Từ nơi Bồ-tát Thương Mạc Ca bị trúng độc hại theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm đến thành Bạt Lỗ Sa, phía bắc thành ấy có ngôi

Tốt-đổ-ba. Là nơi xưa kia Thái tử Tô Đạt Noa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiện Nha) đem voi lớn của vua cha ban thí cho vị Bà-la-môn nên bị trách phạt xua đuổi để đoái hoài tội với nước nhà và dân chúng, khi đã ra ngoài cửa thành quách đến đó là cáo biệt. Bên cạnh đó có hơn 50 ngôi già lam, chư tăng đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Xưa kia luận sư Y Thấp Phạt La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tự Tại) ở tại đó chế tác luận A-tỳ-đạt-ma minh đăng.

Ngoài cửa phía đông thành Bạt Lỗ Sa có một ngôi già lam, chư tăng có hơn 50 vị đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia thái tử Tô Đạt Noa bị xua đuổi đến núi Đàm đa lạc ca (xưa trước gọi là Đàm Sơn tức sai nhầm vậy), vị Bà-la-môn xin hai người con trai gái của thái tử đến ở đó để bán cháo.

Từ thành Bạt Lỗ Sa theo hướng đông bắc đi hơn 20 dặm đến núi Đàm đa lạc ca, trên đỉnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia thái tử Tô Đạt Noa đến đó ẩn nấu. Bên cạnh đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thái tử đem hai người con trai gái cấp thí cho vị Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn ấy đánh hai người con đó đổ máu nhuộm nơi đất, đến nay các cây cỏ ở đó vẫn còn mang sắc màu rắng đỏ. Nơi thạch thất trên đỉnh núi là nơi thái tử cùng vương phi tu tập thiền định. Cây rừng trong hang rủ cành như màn che đều là những nơi xưa kia thái tử đến dừng nghỉ. Bên cạnh đó không xa lại có một lò đá là chỗ ở của tiên nhân thời xưa kia vậy.

Từ lò đá của tiên nhân theo hướng tây bắc đi hơn trăm dặm, vượt qua một núi nhỏ, đi đến núi lớn. Phía nam núi ấy có một ngôi già lam, chưa tăng rất hiếm ít, đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia tiên nhân Độc Giác nương ở. Tiên nhân vị dâm nữ dẫn dụ loạn lạc thối mất thần thông, dâm nữ mới cưỡi trên vai tiên nhân ấy mà trở về thành ấp.

Từ thành Bạt Lỗ Sa theo hướng đông bắc đi hơn 50 dặm đến một núi cao. Tại núi đó có tôn tượng vợ của Đại Tự Tại Thiên tức là Thiên nữ Tỳ Ma bằng đá xanh. Nghe các hàng sĩ tục nói rằng: tượng trời ấy tự nhiên mà có linh dị đã lắm nhiều, mà người cầu đảo cũng đông. Mọi người ở các nước xứ Ấn Độ đến cầu phước thỉnh nguyện, các hàng sang hèn đông tấp nập mọi người xa gần đều tụ hội. Trong đó như có người nguyện mong thấy hình thiên thần, mà chí thành không nghi ngờ, bỏ ăn suốt bảy ngày, hoặc có người được thấy, cầu nguyện phần nhiều được thành đạt. Phía dưới núi có đền thờ Đại Tự Tại Thiên, do các hàng

ngoại đạo bôi tro thân mình chăm lo kính tu cúng tế.

Từ đền thờ trời Tỳ Ma theo hướng đông nam đi 150 dặm, đến thành Ô đạt ca hán trà, chu vi thành ấy rộng hơn 20 dặm, phía nam gần sông Tín Độ. Dân chúng ở đó giàu sang an lạc, vật báu chất chứa đầy. Những thứ quý lạ ở các phương khác phần nhiều gom tập đến đó.

Từ thành Ô đạt ca hán trà theo hướng tây bắc đi hơn 20 dặm đến ấp Bà la đổ la, là nơi sinh sống của Ba Nhĩ Ni Tiên chế tác luận Thanh Minh. Nói đầu xa xưa, văn tự rộng nhiều, trải qua thời gian kiếp hoại, thế giới rộng không, các tiên trưởng thọ giáng linh dẫn dắt người đời. Do từ đó văn tự sổ sách nảy sinh lại. Từ thời gian ấy về sau, nguồn gốc văn tự bị phiếm loạn. Các phạm vương thiên đế tạo ra phép tắc tùy theo thời. Các tiên dị đạo mỗi tự chế tác văn tự. Mọi người cùng nhau tổ thuật đua nhau tập học những gì được lưu truyền. Các học giả luống hư công khó khó dùng nghiên cứu rõ ràng. Đến lúc tuổi thọ con người được trăm năm, khi ấy có Bà nhĩ ni tiên vừa sinh mà rộng biết mọi vật, xót thương thời thế khinh bạc, nên muốn chuốt gọt sự phù ngụy, san định sự lấm nhiều tạp nhạp, mới du phương phỏng hỏi đạo, gặp được tự tại thiên, bèn tỏ bày ý chí muốn tác thuật. Tự Tại Thiên bảo rằng: “Lớn vậy thay! Tôi sẽ giúp đỡ ngươi”. Tiên nhân thọ giáo rồi lui về. Từ đó nghiêm tinh trầm tư nhật nhật các ngôn từ làm thành chữ viết, đầy đủ có ngàn bài tụng, mỗi mỗi bài tụng có 32 ngôn từ, nghiên cứu tận cùng xưa nay, bao quát tất cả ngôn phong lại mà tấu trình lên vua. vua rất lấy làm quý lạ, ban lệnh trong nước nhà rộng khiến trao truyền tập học. Có người tập tụng thông lợi được thưởng ngàn tiền vàng, do đó thầy trò trao truyền cho nhau thành lưu hành nơi đời. Nên các Bà-la-môn ở trong ấp đó đều là những bậc thạc học cao tài, rộng biết mọi vật hùng mạnh nhận biết.

Trong ấp Bà la đổ la có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi vị A-la-hán giáo hóa hậu tấn tiến nhân Ba nhĩ ni. Sau khi đức Như Lai diệt độ khoảng 500 năm, có vị Đại A-la-hán từ nước Ca Thấp Di La trên đường du đến đó, thấy vị phạm chí dạy răn một trẻ nhỏ. Khi ấy vị A-la-hán hỏi ông Phạm Chí rằng: “Cớ sao làm khổ đứa trẻ này vậy?”. Ông Phạm Chí ấy nói: “Bảo nó học luận Thanh Minh mà sự học chẳng lúc nào tiến”. Vị A-la-hán đột nhiên phát cười. Ông Phạm chí ấy nói: “Phàm là Sa-môn lấy tâm từ bi làm tình xót thương muôn vật mọi loài. Nay nhân giả cười, tôi chẳng hiểu bởi ý gì, xin muốn được nghe nói đó”. Vị A-la-hán nói: “Đàm nói chẳng dung để, sợ đặt để nghi sâu. Ông có từng nghe tiên nhân Ba Nhĩ Ni chế tác luận Thanh Minh để răn dạy nơi đời chẳng?”.

Ông Phạm Chí ấy nói: “Ông ấy ở ấp này, hàng hậu tiến kính ngưỡng đức đó thiết lập tôn tượng nay vẫn hiện còn”. Vị A-la-hán bảo rằng: “Đứa con của ông đây tức là tiên nhân ấy vậy. Do vì sức nhận biết mạnh nên ham thích tập học pháp điển thế gian, chỉ bàn nói về dị luận, chẳng nghiên cứu lý chân, thần trí tổn mất nên lưu chuyển chưa ngưng dứt. Còn nương nhờ các điều thiện khác nên được làm con ông mến thương. Nhưng mà văn từ pháp điển thế gian chỉ lao nhọc tích chứa công phu, đâu như Thánh giáo của đức Như Lai phước trí thâm thắm đượm. Xưa kia tại bờ biển Nam Hải có một cây khô, có 500 con dơi nương ở trong hang động. Bấy giờ có các người khách thương buôn đến dừng nghỉ dưới cây ấy, gặp lúc gió rét mọi người đều lạnh cóng đói khát bèn chất củi un lửa phía dưới; khói lửa dần cháy đượm bốc, cây khô ấy bèn bị cháy theo. Khi ấy trong đoàn thương buôn có một người đã quá nửa đêm đọc tụng A-tỳ-đạt-ma tạng, đàn dơi tuy bị lửa đốt khốn khổ nhưng vì ham thích Pháp Âm nên chịu nhẫn chẳng bỏ đi, do đó mạng chung, và tùy theo nghiệp thọ sinh, đều được làm thân người, bỏ tục xuất gia tu học. Nương nhờ sức nghe pháp âm nên có được thông minh lợi trí. Do đó đều chứng đắc Thánh quả, vì đời mà làm ruộng phước. Gần đây, vua Ca Nị Sắc Ca cùng Hiệp tôn giả chiêu tập 500 vị hiền Thánh đến tại nước Ca thấp di la chế tác luận Tỳ-bà-sa, đó chính là 500 con dơi xưa trước ở trong bọng cây khô ấy vậy. Tôi (tức vị A-la-hán) tuy ngu hèn chẳng được một phần trong số đó. nhưng mà mọi sự hơn kém hay khác, hay nằm tách biệt. Nay, nhân giả thương con, thì nên cho nó xuất gia. Công đức xuất gia ngôn ngữ chẳng thể thuật hết”. Nói lời ấy xong, vị A-la-hán ấy biến hiện những sự thần thông, nhân đó bỗng nhiên biến mất. Ông Phạm chí đó sinh tâm rất kính lạ, ngợi khen tốt lành giây lâu. Sau đó nói bày sự tình với mọi người các làng lân cận và bèn cho người con đó xuất gia tu học. Và nhân đó cũng xoay chuyển đức tin tôn sùng Tam bảo. Mọi người trong làng theo phong hóa ấy, đến nay càng phát mạnh.

Từ thành Ô Đạt La Hán Trà theo hướng bắc vượt qua núi băng qua sông đi hơn 600 dặm đến nước Ô trượng na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Uyển; là vườn hoa xưa kia của Luân vương vậy. Xưa trước gọi là Ô tràng hay là Ô trà, đều là sai lầm. Nước ấy thuộc Bắc Ấn Độ).

